

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 07 - 3 - 2018

V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Phạm Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX- ST ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Mai Thị Ngọc P. Sinh năm: 1977

Trú tại: Tổ 57 T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng - Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Bá N. Sinh năm: 1973

Trú tại: Tổ 57 T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017, đơn trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc P trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà và ông Huỳnh Bá B kết hôn với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận N, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2015 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông B hay cá độ bóng đá nợ nần nhiều người nên thường xuyên cãi vã nhau; năm 2015 bà đã gửi đơn ly hôn ông B, sau đó Tòa án hòa giải bà đã rút đơn về chung sống lại với nhau. Đến nay mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, nguyên nhân cũng do ông B tiếp tục cá độ bóng đá, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Hiện nay tình cảm của bà đối với ông B không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Bá B.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng bà có 02 con chung Huỳnh Thị Như B1, sinh ngày 07/02/2001 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 23/8/2004. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận;

- **Về nợ chung:** Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Bá B trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà P về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống, hay cãi vã nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn lại với nhau. Nay bà Mai Thị Ngọc P có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con trưởng thành.

- **Về quan hệ con chung:** Ông xác nhận vợ chồng ông có 02 con chung Huỳnh Thị Như B1, sinh ngày 07/02/2001 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 23/8/2004. Nếu ly hôn ông nhận trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận;

- **Về nợ chung:** Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35; 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Mai Thị Ngọc P đối với ông Huỳnh Bá B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc P được ly hôn với ông Huỳnh Bá B.

Về con chung: Giao con Huỳnh Thị Như B1, sinh ngày 07/02/2001 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 23/8/2004 cho bà Mai Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc P nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Mai Thị Ngọc P và ông Huỳnh Bá B kết hôn vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận N, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2015 bà P đã gửi đơn ly hôn ông B, sau đó bà P đã rút đơn về chung sống lại với nhau. Đến nay mâu thuẫn tiếp tục phát sinh nên tình cảm của bà P đối với ông B không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau, bà P cho rằng tình cảm vợ chồng mâu thuẫn là do ông B hay cá độ bóng đá nợ nần nhiều người nên thường xuyên cãi vã nhau. Còn ông B xác nhận quá trình chung sống với nhau thường hay cãi vã nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng.

Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà P cương quyết xin được ly hôn ông B, còn ông B không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con trưởng thành. Tuy nhiên, việc ông B không đồng ý ly hôn nhưng qua lời khai ông B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do thường hay cãi vã nhau.

Ông B không đồng ý ly hôn nhưng bản thân cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà P trở lại hàn

gắn hạnh phúc gia đình để trở về sống đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông B được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy bà Mai Thị Ngọc P và ông Huỳnh Bá B là vợ chồng chung sống tại tổ 30 (mới) phường H, quận N, TP. Đà Nẵng. Hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình nên bà P xin ly hôn ông B, tổ dân phố cùng Hội phụ nữ và Chi bộ nơi cư trú đã mời vợ chồng đến hòa giải nhưng hiện nay hai vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Mai Thị Ngọc P và ông Huỳnh Bá B thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Mai Thị Ngọc P được ly hôn ông Huỳnh Bá B để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà P ông B và có 02 con chung; Huỳnh Thị Như B1, sinh ngày 07/02/2001 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 23/8/2004. Ly hôn, bà P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Còn ông B đồng ý với ý kiến các con đã lớn, các con ở với ai do các con quyết định. Riêng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà P.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu B1 và cháu T hiện còn nhỏ, nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Hơn nữa, cả cháu B1 và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Huỳnh Thị Như B1 và Huỳnh Bá T cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà P yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Còn ông B đồng ý cấp dưỡng 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà P về việc cấp dưỡng nuôi con chung cũng như ý chí tự nguyện của ông B là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- **Về tài sản chung:** Bà P và ông B tự thỏa thuận nên không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà P và ông B xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Mai Thị Ngọc P phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc P đối với ông Huỳnh Bá B.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc P được ly hôn với ông Huỳnh Bá B.

2. Về con chung: Giao con Huỳnh Thị Như B1, sinh ngày 07/02/2001 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 23/8/2004 cho bà Mai Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Mai Thị Ngọc P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004452 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Huỳnh Bá B phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

õng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân
sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường H, quận N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm